

### PHỤ LỤC A. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ QUY TRÌNH KHẢO SÁT

Chỉ số PAPI đã và đang tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện sau vòng thử nghiệm năm 2009, vòng mở rộng năm 2010, và vòng khảo sát trên phạm vi toàn quốc năm 2011.<sup>52</sup> Phương pháp luận khách quan, chặt chẽ và khoa học của PAPI là cơ sở để đảm bảo độ tin cậy của các kết quả nghiên cứu đồng thời được các đối tác cũng như các bên quan tâm chấp nhận. PAPI 2012 áp dụng phương pháp luận của PAPI 2011 nhằm đảm bảo tính ổn định và độ tin cậy của dữ liệu, tạo điều kiện cho việc so sánh qua các năm.

#### Chiến lược chọn mẫu

Mục đích của PAPI là thu thập thông tin từ mẫu đại diện cho người dân là những cá nhân ở độ tuổi từ 18 trở lên. PAPI sử dụng phần mềm chọn mẫu hiện đại theo chuẩn mực quốc tế để chọn mẫu cá nhân đại diện. Bằng cách đó, PAPI tìm hiểu trải nghiệm và nhận thức của người dân nói chung với đặc điểm nhân chủng đa dạng, bao gồm nam, nữ với điều kiện kinh tế-xã hội, học vấn, tuổi tác và thành phần dân tộc khác nhau.

Trong PAPI 2012, phương pháp chọn mẫu nhiều bước và ngẫu nhiên cũng được áp dụng nhằm chọn đơn vị mẫu mặc định, đại diện và xây dựng dàn mẫu ở cấp cá nhân đại diện cho dân số các tỉnh/thành phố. Việc chọn mẫu được thực hiện theo năm bước nhằm chọn ra các đơn vị mẫu ở các cấp (i) huyện/quận/thành phố trực thuộc tỉnh, (ii) xã/phường/thị trấn, (iii) thôn/bản/ấp/tổ dân phố, (iv) hộ gia đình, và cuối cùng là (v) cá nhân đại diện trả lời phiếu hỏi. Dàn mẫu đến cấp thôn/bản/ấp/tổ dân phố được mặc định kể từ năm 2011 trở đi để có thể so sánh kết quả nghiên cứu qua các năm. Đối với việc chọn mẫu hộ gia đình và cá nhân đại diện trả lời phiếu hỏi, PAPI thực hiện chọn lại mẫu cho từng năm khảo sát từ năm 2012 trở đi.

#### So sánh dàn mẫu PAPI 2012 với PAPI 2011 và Tổng điều tra dân số năm 2009

Độ tin cậy của khảo sát PAPI thường niên có thể được kiểm chứng bằng các biến số về đặc điểm dân cư sẵn có từ kết quả cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Bảng A so sánh phân phối các biến nhân khẩu học chính trong mẫu PAPI với một số biến phổ biến của Tổng điều tra dân số năm 2009 và khẳng định đặc điểm chính của mẫu khảo sát PAPI 2012 rất gần với đặc điểm chính của dân số Việt Nam.

**Bảng A. So sánh phân phối các biến nhân khẩu**

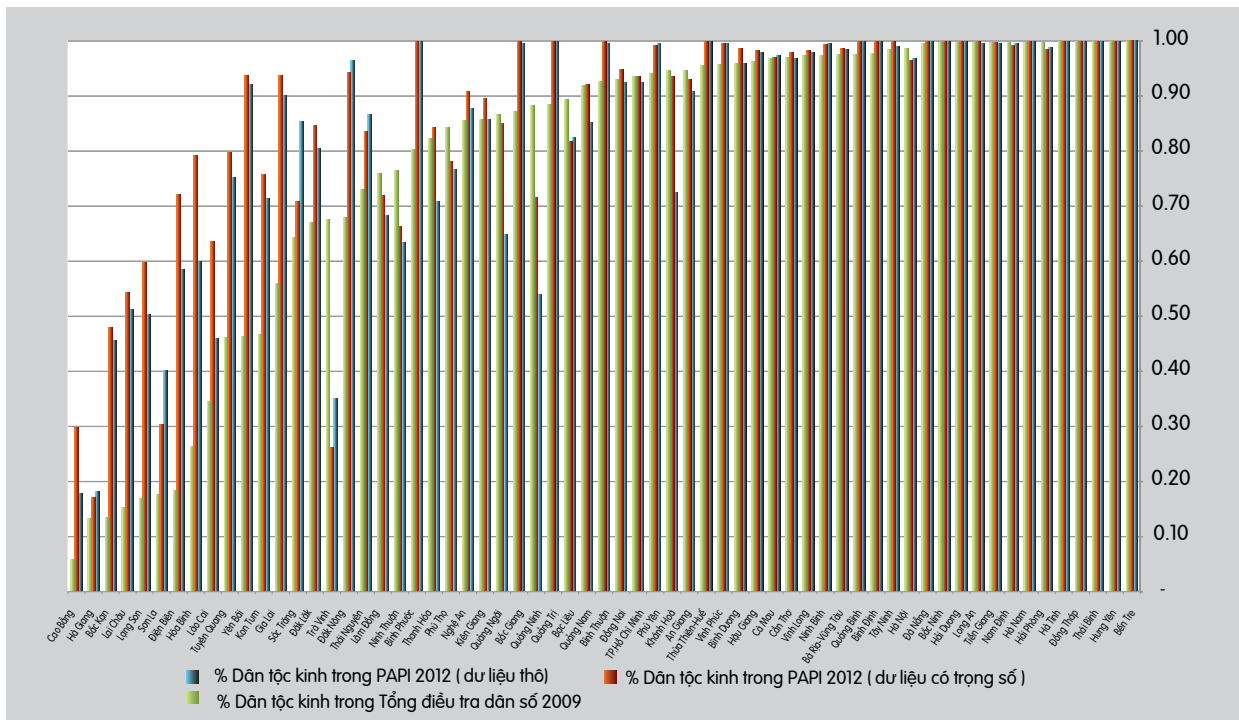
	PAPI 2011	PAPI 2012	TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ 2009
<b>Giới</b>			
Nam	47,04	47,33	49,41
Nữ	52,96	52,67	50,59
<b>Dân tộc</b>			
Kinh	84,5	84,35	85,73
Các dân tộc khác	15,5	15,64	14,27

<sup>52</sup> Để biết thêm thông tin về phương pháp luận xây dựng Chỉ số PAPI, độc giả có thể tham khảo Chương 3 của báo cáo PAPI 2010 (VFF, CECODES & UNDP, 2011), đặc biệt là ở các trang từ 93-104 và Phụ lục A trong Báo cáo PAPI 2011 (CECODES, FR, CPP& UNDP, 2012), ở các trang từ 117-118.

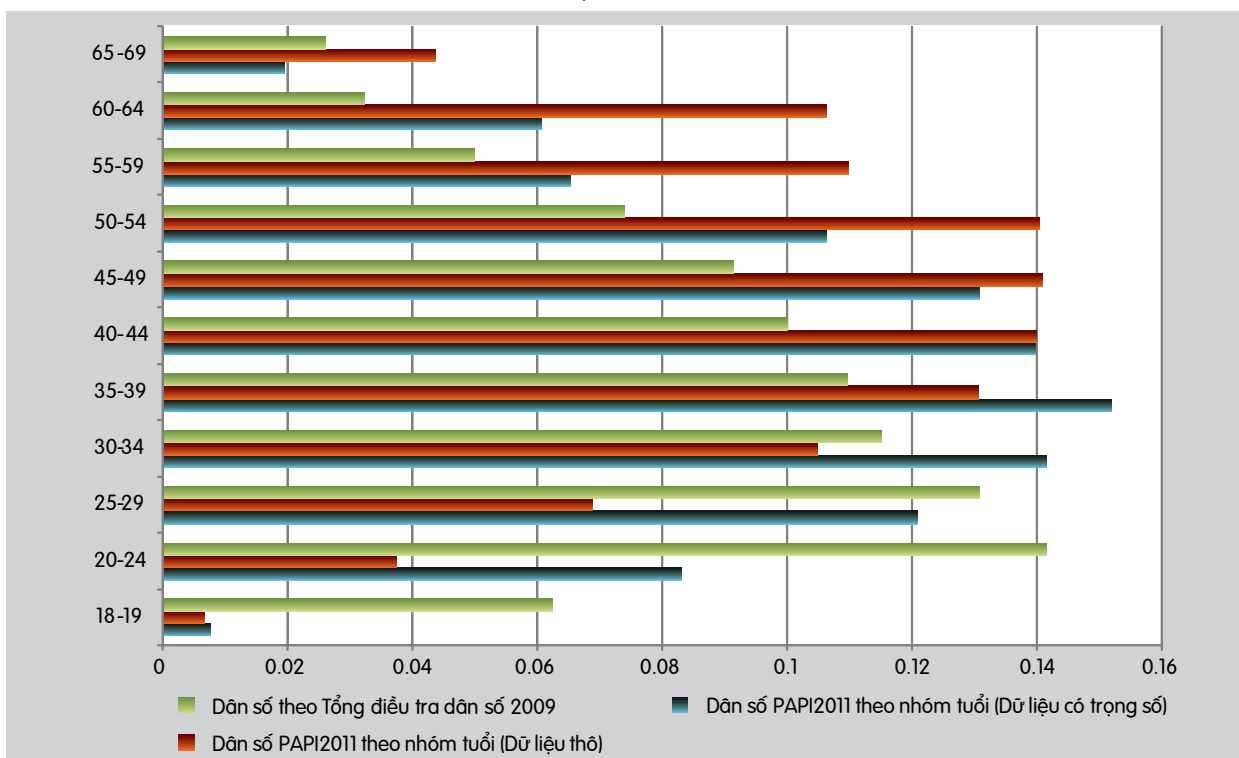
Ngoài ra, Biểu đồ A1 cho thấy tác động của trọng số đối với thành phần của mẫu theo dân tộc của mẫu khảo sát PAPI 2012 và Biểu đồ A2 biểu thị các nhóm

tuổi của mẫu cá nhân được khảo sát trong năm 2012 so với biến dân tộc và nhóm tuổi của Tổng điều tra dân số 2009.

**Biểu đồ A1: Thành phần dân tộc Kinh trong mẫu PAPI 2012 so với Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009**



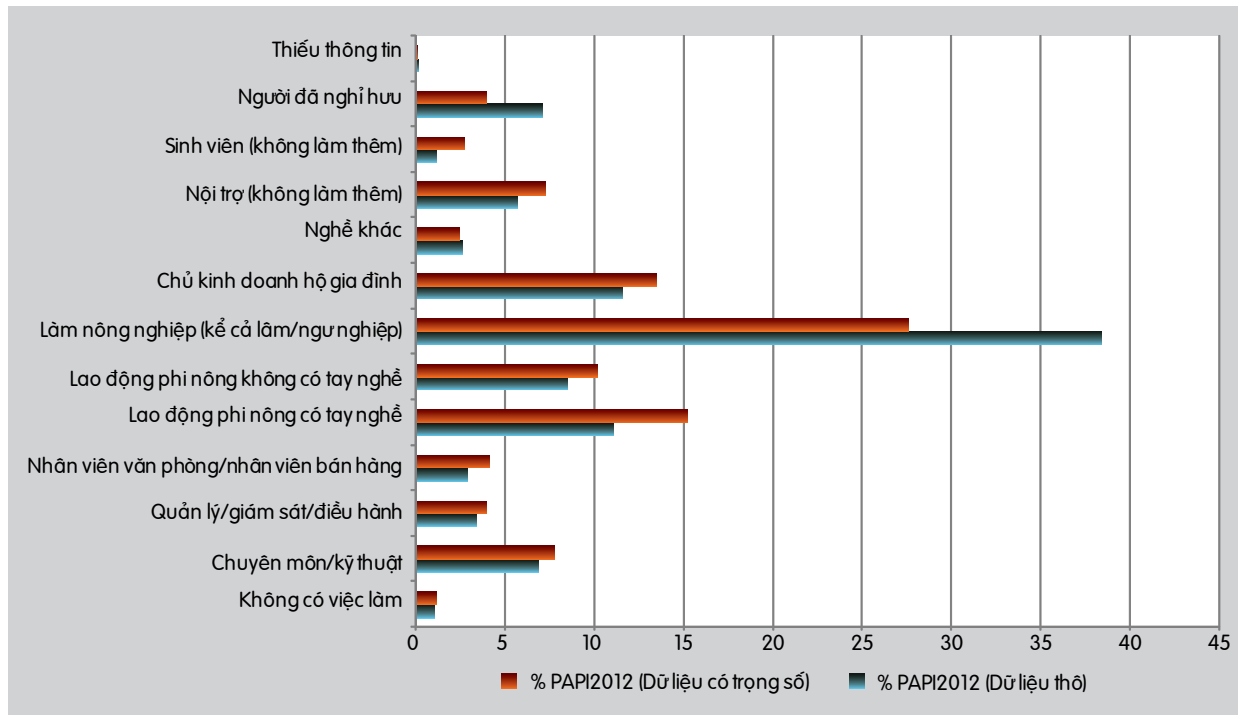
**Biểu đồ A2: Mẫu khảo sát PAPI2012 phân bố theo nhóm tuổi và so với Tổng điều tra dân số 2009 (chưa tính mẫu thuộc nhóm tuổi từ 70 trở lên)**



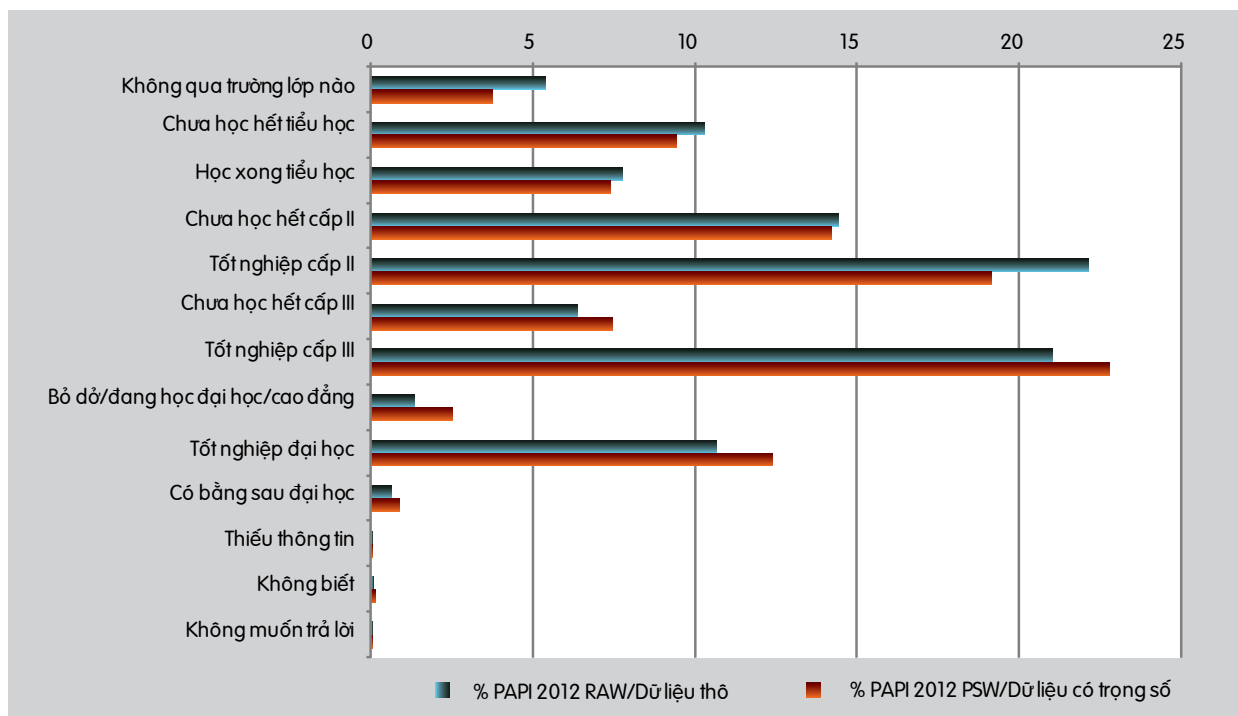
Hai bước thử nghiệm tiếp theo cho thấy tính đại diện của mẫu trong nghiên cứu PAPI 2012 khi so với Tổng điều tra dân số 2009. Bước thứ nhất dựa trên cơ sở so sánh nghề nghiệp, và bước thứ hai dựa trên cơ sở so sánh trình độ học vấn của người trả lời phỏng vấn cũng như mối quan hệ với các trọng số sau phân tổ. Biểu

đồ A3 về nghề nghiệp và Biểu đồ A4 về trình độ học vấn biểu thị kết quả của hai phép thử này. Cũng như với PAPI 2011, PAPI 2012 đảm bảo mẫu khảo sát mang tính đại diện cho dân số Việt Nam, từ đó cho phép so sánh giữa các tỉnh/thành phố và giữa các nhóm dân cư có ý nghĩa thống kê.

**Biểu đồ A3: Nghề nghiệp chính của người trả lời PAPI 2012**



**Biểu đồ A4: Trình độ học vấn, học vị cao nhất của người trả lời PAPI 2012**



### **Quy trình thực hiện khảo sát thực địa**

*Bộ phiếu hỏi và Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn*<sup>53</sup>: Tương tự những năm trước, quá trình rà soát và cải thiện Bộ phiếu hỏi bao gồm nhiều bước: (i) thiết kế, (ii) thử nghiệm sơ bộ, (iii) điều chỉnh và hoàn thiện, (iv) xây dựng Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn và (v) tổ chức tập huấn phỏng vấn viên.<sup>54</sup> Trong năm 2012, Bộ phiếu hỏi hầu như không có điều chỉnh gì nhằm đảm bảo kết quả nghiên cứu PAPI có thể so sánh được qua các năm. Đi kèm với Bộ phiếu hỏi là Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn với nhiều chỉ dẫn cụ thể, đặc biệt là giúp người phỏng vấn nắm chắc và nhận thức như nhau về những câu hỏi khó và cung cấp thẻ bài thông tin để trợ giúp người trả lời.

*Quá trình khảo sát và giám sát chất lượng*: Quy trình khảo sát bắt đầu bằng việc tập huấn trưởng nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa. Họ là những người chỉ đạo và giám sát các nhóm thu thập số liệu ở 63 tỉnh/thành phố. Lớp tập huấn tập trung đầu tiên được tiến hành tại Hà Nội vào 12 tháng 6 năm 2012 với sự tham gia của hơn 50 chuyên gia và cộng tác viên của CECODES. Bên cạnh đó, một loạt lớp tập huấn kỹ thuật chuyên sâu cũng được triển khai sau đó để đảm bảo các trưởng nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa được đào tạo bài bản và có hiểu biết như nhau về các yêu cầu kỹ thuật của các nhiệm vụ được giao.

Khi tiến hành khảo sát thực địa tại các tỉnh/thành phố, các trưởng nhóm khảo sát kiêm giám sát thực địa đã tiến hành tập huấn cho các phỏng vấn viên được tuyển chọn từ các trường đại học, cao đẳng cấp vùng hay cấp tỉnh đồng thời hướng dẫn họ sử dụng Sổ tay hướng dẫn phỏng vấn và Bộ phiếu hỏi để đảm bảo tất cả phỏng vấn viên có hiểu biết như nhau và nắm được mạch của các câu hỏi. Phỏng vấn viên phần lớn là sinh viên năm cuối hay mới tốt nghiệp từ các chuyên ngành khoa học xã hội như xã hội học, công tác xã hội và hành chính công. Từ gần 1.000 hồ sơ đăng ký, hơn 600

sinh viên được sàng lọc kỹ bởi Tổ chức “Sống và Học tập vì cộng đồng và môi trường” (Live & Learn Organization), một tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực phát triển thanh niên ở Việt Nam. Điều này góp phần đảm bảo tính khách quan và độc lập của công tác khảo sát thực địa. Mỗi nhóm phỏng vấn viên có một ngày tập huấn. Chương trình tập huấn phỏng vấn viên bao gồm một phiên giới thiệu chung về quy trình phỏng vấn PAPI, các yêu cầu cần đáp ứng và hướng dẫn chi tiết nội dung bảng câu hỏi và một phiên để các phỏng vấn viên thực hành, thử nghiệm phỏng vấn và trả lời phỏng vấn dưới sự kiểm tra, giám sát của các trưởng nhóm khảo sát.

UNDP và CECODES tiến hành hậu kiểm các bộ phiếu hỏi đã được điền thông tin vào cuối đợt công tác thực địa ngay sau khi mỗi đoàn khảo sát ở mỗi tỉnh/thành phố trở về Hà Nội. Việc tập huấn lại cho các trưởng nhóm khảo sát được triển khai ngay sau đó để kịp thời chấn chỉnh những nhược điểm, thiếu sót phát hiện trong các bộ phiếu hỏi đã điền thông tin trước khi họ tiếp tục được cử đi khảo sát ở một tỉnh/thành phố khác. Mỗi phiếu hỏi lại được rà soát lại một lần nữa ở giai đoạn nhập dữ liệu để ghi lại những lỗi thường mắc phải để nhắc nhở ngay cho các đoàn khảo sát trước khi đến các tỉnh tiếp theo.

Quy trình đào tạo ba lớp (lớp tập huấn tổng quát vào tháng 6 năm 2012, lớp tập huấn kỹ thuật trước khi cử các trưởng nhóm khảo sát đi các tỉnh/thành phố và lớp tập huấn lại khi cần thiết) góp phần đảm bảo cho các trưởng nhóm khảo sát đã có hay chưa có kinh nghiệm làm việc với dự án PAPI đều có mức độ hiểu biết như nhau về các yêu cầu kỹ thuật và các kỹ năng cần thiết trước khi tiến hành khảo sát thực địa ở mỗi tỉnh/thành phố. Qua ba lớp tập huấn như vậy trong suốt quá trình thu thập dữ liệu, các trưởng nhóm cũng cải thiện được nhiều chất lượng thu thập dữ liệu và giảm thiểu việc thiếu sót thông tin.

*Khảo sát thực địa*. Công tác khảo sát thực địa của PAPI 2012 trên thực tế được tiến hành từ ngày 7 tháng 7 năm 2012 đến cuối tháng 12 năm 2012 ở 62 tỉnh/thành phố, và từ 20-30 tháng 3 năm 2013 tại tỉnh Bến Tre. Tổng số 63 đoàn khảo sát do các trưởng nhóm kiêm giám sát thực địa từ Hà Nội dẫn đầu (đến mỗi tỉnh/thành

<sup>53</sup>. Bộ phiếu hỏi PAPI 2011 được đăng tải tại trang web của PAPI [www.papi.vn](http://www.papi.vn).

<sup>54</sup>. Xem Chương 3 về phương pháp luận (MITQ, CECODES & UNDP, 2011), đặc biệt ở các trang 98-99.

phố lại chia thành hai nhóm do hai trưởng nhóm dẫn đầu) được cử đi 63 tỉnh/thành phố để phối hợp với các phòng vấn viên ở địa phương thực hiện công tác khảo sát trong thời gian bốn ngày (ở 57 tỉnh/thành phố có quy mô dân số dưới hai triệu người) và bảy ngày (ở những tỉnh/thành phố lớn hơn), không kể thời gian đi lại. Tại địa bàn Hà Nội, thời gian thực hiện khảo sát kéo dài hơn so với ở những địa phương khác do quá trình thu thập danh sách hộ và thành viên hộ gia đình kéo dài hơn dự kiến (trong quãng thời gian từ ngày 7 đến ngày 28 tháng 10 năm 2012) và điều phối thực địa trực tiếp với cán bộ Mặt trận tổ quốc ở cấp xã/phường (kéo dài tới nửa cuối tháng 11 năm 2012). Tại Nghệ An và TP. Hồ Chí Minh, số trưởng nhóm ở mỗi địa phương tăng lên gấp đôi và số nhân lực thực hiện phỏng vấn cũng tăng lên trên 10 người địa để đảm bảo hoàn thành công việc thu thập dữ liệu trong thời gian cho phép do số lượng mẫu ở những địa phương này lớn gấp hai, gấp ba lần so với 57 tỉnh có dân số dưới hai triệu người. Việc phỏng vấn người dân tại tỉnh Bến Tre được thực hiện muộn hơn so với 62 tỉnh/thành phố khác do phát sinh một số vấn đề liên quan đến thủ tục triển khai thực địa. Để thực hiện được khảo sát tại địa bàn tỉnh, nhóm nghiên cứu PAPI và các đối tác tham gia từ MTTQ tỉnh Bến Tre đã có rất nhiều nỗ lực và kiên nhẫn để thuyết phục chính quyền tỉnh cho phép cuộc khảo sát được triển khai.

Để giải quyết những khó khăn, trở ngại trong quá trình thu thập dữ liệu mà vẫn duy trì được chất lượng khảo sát cao theo tiêu chuẩn quốc tế, dự án nghiên cứu PAPI đã thiết lập cơ chế đối tác 'kiềng ba chân' trong quá trình khảo sát. Nhóm đối tác thứ nhất bao gồm đội ngũ cán bộ dự án của CECODES và cán bộ ủy ban MTTQ tỉnh/thành phố (và ở một số địa phương có sự hỗ trợ

của Hội đồng nhân dân, Viện Kiểm sát và Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội tỉnh) với vai trò là điều phối viên trong giai đoạn chọn mẫu và chuẩn bị khảo sát thực địa. Nhóm đối tác thứ hai gồm gần 50 cộng tác viên của CECODES với vai trò trưởng nhóm khảo sát và giám sát thực địa, với tổng số 130 lượt người đến 63 tỉnh/thành phố. Nhiều trong số các trưởng nhóm khảo sát đã tham gia vào các vòng khảo sát PAPI của những năm trước đồng thời được tập huấn lại trước mỗi kỳ thu thập dữ liệu. Họ là những người có tinh thần trách nhiệm cao và hội tụ đủ những kỹ năng và khả năng cần thiết để tập huấn và hướng dẫn cho các phỏng vấn viên tuyển dụng từ các trường đại học, cao đẳng. Nhóm thứ ba bao gồm khoảng 630 sinh viên năm cuối hoặc vừa mới tốt nghiệp từ các chuyên ngành khoa học xã hội như xã hội học, công tác xã hội và hành chính, thực hiện vai trò phỏng vấn viên và hỗ trợ khảo sát thực địa.<sup>55</sup>

Tỉ lệ người trả lời phiếu hỏi trên tổng số người được chọn mẫu trong năm 2012 cũng tăng đáng kể so với vòng khảo sát năm 2011. Tổng số 13.747 người đã trực tiếp trả lời phỏng vấn cho PAPI 2012, chiếm khoảng 81% tổng số mẫu tối đa  $n=17.040$  người, và đạt 101% tổng số phỏng vấn cần đạt được  $n=13.632$  người. Trong số 57 tỉnh/thành phố với số mẫu tối thiểu là 192 người trả lời mỗi tỉnh, số tỉnh đạt được thấp hơn chỉ tiêu này trong PAPI 2012 thấp hơn 21% so với PAPI 2011 (xem Bảng B về số người được phỏng vấn trên thực tế ở mỗi tỉnh/thành phố), và số tỉnh đạt trên chỉ tiêu 192 người trả lời phỏng vấn tăng lên trên 20%. Số mẫu của PAPI càng lớn thì độ tin cậy của dữ liệu của mỗi tỉnh càng cao. Việc gia tăng về số người trả lời trong năm 2012 cũng cho thấy những nỗ lực hết sức to lớn của nghiên cứu PAPI trong quá trình thực hiện bước thu thập dữ liệu.

<sup>55</sup> Xem Báo cáo PAPI 2011 để có được hình dung rõ hơn về ba tổ hợp liên kết cấu thành đội ngũ khảo sát thực địa của PAPI (CECODES, FR, CPP và UNDP, 2012, tr. 124)

PHỤ LỤC B. CƠ CẤU ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT THEO GIỚI TRONG PAPI 2012

**Bảng B: Cơ cấu đối tượng khảo sát theo giới của các tỉnh/thành phố**

Tên tỉnh	Nam		Nữ		Tổng
	No.	%	No.	%	No.
An Giang	171	45,24	207	54,76	378
Bà Rịa Vũng Tàu	79	40,93	114	59,07	193
Bắc Giang	87	45,79	103	54,21	190
Bắc Kạn	93	47,69	102	52,31	195
Bạc Liêu	96	49,23	99	50,77	195
Bắc Ninh	85	44,04	108	55,96	193
Bến Tre	93	47,69	102	52,31	195
Bình Định	112	54,63	93	45,37	205
Bình Dương	103	52,02	95	47,98	198
Bình Phước	107	55,44	86	44,56	193
Bình Thuận	89	44,72	110	55,28	199
Cà Mau	91	47,4	101	52,6	192
TP. Cần Thơ	98	50,78	95	49,22	193
Cao Bằng	85	45,95	100	54,05	185
TP. Đà Nẵng	98	51,04	94	48,96	192
Đắk Lắk	84	42	116	58	200
Đắk Nông	96	48,48	102	51,52	198
Điện Biên	93	47,69	102	52,31	195
Đồng Nai	179	45,9	211	54,1	390
Đồng Tháp	100	49,5	102	50,5	202
Gia Lai	101	52,6	91	47,4	192
Hà Giang	101	52,6	91	47,4	192
Hà Nam	95	49,22	98	50,78	193
TP. Hà Nội	252	43,9	322	56,1	574
Hà Tĩnh	76	38,58	121	61,42	197
Hải Dương	101	50,25	100	49,75	201
TP. Hải Phòng	98	53,26	86	46,74	184
Hậu Giang	87	45,08	106	54,92	193
Hòa Bình	87	44,62	108	55,38	195
Hung Yên	92	47,18	103	52,82	195
Khánh Hòa	83	43,23	109	56,77	192
Kiên Giang	91	46,19	106	53,81	197
Kon Tum	88	44,9	108	55,1	196
Lai Châu	94	48,21	101	51,79	195
Lâm Đồng	89	46,11	104	53,89	193
Lạng Sơn	90	48,65	95	51,35	185
Lào Cai	96	50,79	93	49,21	189
Long An	87	44,39	109	55,61	196
Nam Định	88	42,72	118	57,28	206
Nghệ An	181	46,17	211	53,83	392
Ninh Bình	99	49,75	100	50,25	199
Ninh Thuận	85	43,81	109	56,19	194
Phú Thọ	86	44,56	107	55,44	193
Phú Yên	86	44,56	107	55,44	193
Quảng Bình	90	46,88	102	53,13	192
Quảng Nam	84	44,44	105	55,56	189
Quảng Ngãi	99	50,51	97	49,49	196
Quảng Ninh	100	52,36	91	47,64	191
Quảng Trị	90	45,92	106	54,08	196
Sóc Trăng	95	47,98	103	52,02	198
Sơn La	93	46,73	106	53,27	199
TP. Hồ Chí Minh	258	48,13	278	51,87	536
Tây Ninh	87	46,77	99	53,23	186
Thái Bình	105	53,57	91	46,43	196
Thái Nguyên	92	47,18	103	52,82	195
Thanh Hóa	197	49,87	198	50,13	395
Thừa Thiên-Huế	96	48,48	102	51,52	198
Tiền Giang	88	44	112	56	200
Trà Vinh	85	43,81	109	56,19	194
Tuyên Quang	93	48,95	97	51,05	190
Vĩnh Long	91	47,64	100	52,36	191
Vĩnh Phúc	92	47,18	103	52,82	195
Yên Bái	99	52,11	91	47,89	190
<b>Tổng</b>	<b>6,506</b>	<b>47,33</b>	<b>7,238</b>	<b>52,65</b>	<b>13,744*</b>

\* Tổng số phỏng vấn = 13.747. Thiếu thông tin về giới ở ba phiếu khảo sát.